TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **02** /2026/QĐST-DS	*Cao Bằng, ngày 16 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 23/2026/TLST – DS ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nông Quốc T, Nông Thị M, Nông Thị D, Nông Triệu M1 đều có văn bản nêu ý kiến đồng ý với nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn Triệu Thị T1 và bị đơn Nông Triệu T2 theo biên bản hòa giải thành ngày 08/7/2026.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Triệu Thị T1, sinh năm 1970; Số căn cước công dân: 004170001294 cấp ngày 25/4/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Lục Thị H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.

- *Bị đơn*: Nông Triệu T2, sinh năm: 1970; Số căn cước công dân: 004070001158; cấp ngày 25/04/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH.

Địa chỉ: Xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Bà Nông Thị Thu T3 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Nông Quốc T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng.

+ Nông Thị M, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường T, tỉnh Cao Bằng.

+ Nông Thị D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng.

+ Nông Triệu M1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về vị trí, diện tích đất tranh chấp*: Phần diện tích đất có tranh chấp là 11,8m^2 giáp ranh giữa thửa 250 tờ bản đồ số 47 (cũ), 316 (mới) diện tích 606m^2 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 464015 ngày 11/11/2009 mang tên hộ ông Nông Công B, bà Triệu Thị T1 và thửa đất số 266 tờ bản đồ số 47 (cũ), 316 (mới) diện tích 422m^2 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 440951 ngày 11/11/2009 mang tên hộ ông Nông Triệu T2, bà Nông Thị D. Địa chỉ 02 thửa đất đều ở tại Xóm N, xã K, tỉnh Cao Bằng.

- *Về xác định ranh giới*: Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất xác định ranh giới phần đất đang tranh chấp theo ranh giới thửa đất theo hiện trạng của Sơ đồ trích đo địa chính khu đất ngày 26/6/2026 của Trung tâm điều tra, đo đạc, quy hoạch tài nguyên Nông lâm nghiệp Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Cao Bằng.

- *Các đương sự tự nguyện thỏa thuận giải quyết diện tích 11,8m^2 đất có tranh chấp như sau:*

+ Nguyên đơn Triệu Thị T1 tự nguyện cho ông Nông Triệu T2 được quản lý sử dụng phần diện tích đất 7,1m^2 (trên đất có kè đá của ông T2) thuộc thửa số 250 tờ bản đồ số 47 (cũ), 316 (mới) của bà Triệu Thị T1. Phần diện tích đất 7,1m^2 có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp thửa 268 của ông Lương Xuân H1
Phía Tây giáp phần đất 4,7m^2 đang tranh chấp
Phía Nam giáp thửa 266 của ông Thượng
Phía Bắc giáp thửa 250 của bà T1

+ Bị đơn Nông Triệu Thượng tự nguyện cho bà Triệu Thị Thanh quản L sử dụng phần diện tích đất 4,7m^2 (trên đất để trống) thuộc thửa 266 của ông T2. Phần diện tích 4,7m^2 có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất 7,1m^2 đang tranh chấp
Phía Tây giáp thửa 250 của bà T1
Phía Nam giáp thửa 266 của ông Thượng
Phía Bắc giáp thửa 250 của bà T1

(Có sơ đồ trích đo địa chính khu đất ngày 26/6/2026 của Trung tâm điều tra, đo đạc, quy hoạch tài nguyên Nông lâm nghiệp Sở Nông nghiệp và môi trường tỉnh Cao Bằng kèm theo. Sơ đồ trích đo địa chính kèm theo là một phần của Quyết định không tách rời).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo ranh giới diện tích đất được quyền quản lý, sử dụng.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc:* Ông Nông Triệu T2 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc là 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng). Bà T1 xác nhận ông T2 đã trả cho bà T1 đủ số tiền 7.000.000đồng tại phiên hoà giải bằng hình thức chuyển khoản.

- *Về án phí:* Nguyên đơn và bị đơn là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Do vậy nguyên đơn và bị đơn được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

"Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2025, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 2 – Cao Bằng;
- THADS khu vực 2 – Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Thúy